



CHỨNG MINH TRUYỆN KIỀU CÓ ĐÓNG GÓP LỚN CHO NỀN VĂN HỌC TRÊN PHƯƠNG DIỆN TRUYỆN THƠ NÔM

Ngữ Văn 12 (THPT TRẦN HƯNG ĐẠO)



Scan to open on Studeersnel

CHỨNG MINH TRUYỆN KIỀU CÓ ĐÓNG GÓP LỚN CHO NỀN VĂN HỌC TRÊN PHƯƠNG DIỆN TRUYỆN THƠ NÔM

Thể thơ lục bát bình dân, sử dụng quốc ngữ: chữ Nôm

Trong cuộc biến chuyển thời đại, văn hóa, chữ viết, sự phát triển của chữ Quốc ngữ và chủ nghĩa dân tộc Việt Nam thúc đẩy việc tìm kiếm các hệ giá trị và các tiếng nói mới cho bản sắc của mình. Các đỉnh cao của ngôn ngữ văn chương tiếng Việt, sử dụng chữ Nôm như Cung oán ngâm khúc, Chinh phụ ngâm, đặc biệt là Truyện Kiều trở thành những công trình mang tính đại diện cho bản sắc ngôn ngữ mới.

Điểm đặc sắc của Truyện Kiều không chỉ ở giá trị nhân đạo, tài năng của Nguyễn Du, mà ở chỗ nó ra đời vào lúc chữ Nôm đã phát triển qua hơn nửa thiên niên kỷ, với một hệ thống chữ phong phú, đa dạng. Chính ‘cơ sở hạ tầng ngôn ngữ’ này giúp cho Nguyễn Du xây dựng một trong những tòa nhà lộng lẫy bậc nhất của nghệ thuật biểu đạt tiếng Việt. Đây là thành tựu đỉnh cao trên con đường bản địa hóa chữ viết (vernacularization) thời sơ kỳ hiện đại Việt Nam. Giống như các cư dân Tây Âu sáng tạo các chữ viết bản địa (tiếng Đức, tiếng Pháp...) trong thời kỳ Phục Hưng và thế kỷ Ánh sáng nhằm thoát ra khỏi chữ Latin, người Việt cũng tham gia một cách mạng nhằm phát triển hệ chữ viết gần hơn với tiếng nói và biểu đạt của mình. Chính vì thế mà những người xây dựng và cổ vũ cho nền văn hóa dân tộc Việt Nam thế kỷ XX đã nhanh chóng đưa Truyện Kiều thành một biểu tượng trong diễn ngôn văn hóa, lịch sử và chính trị của người Việt, vào lúc họ cần các nguyên liệu mới về ngôn ngữ và văn hóa cho một quốc gia dân tộc.

Truyện Kiều có sức sống lâu bền trong lòng dân tộc, có sự dân gian hóa cao độ như vậy, là vì Nguyễn Du đã dụng công sáng tạo ra một hệ thống từ ngữ **định danh** các hiện tượng nhân thế, **khắc họa chân dung** các nhân vật trong tác phẩm của mình.

Với các hiện tượng nhân thế, chỉ bằng một vài từ, nhà thơ đã khái quát hoá bản chất của hiện tượng thông qua việc dùng từ ngữ rất sáng tạo và sâu sắc. Về con người, Nguyễn Du cho rằng đây là “giống hữu tình” (*Cho hay là giống hữu tình/ Đố ai gỡ mối tơ mành cho xong*). Một định danh tưởng không có từ ngữ nào “đích đáng” hơn. Khi lưu lạc, bán mình chuộc cha, Kiều được Tú Bà dạy: *Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề. Đều là nghề nghiệp trong nhà/ Đủ ngần ấy nét mới là người soi*. Con người hiểu biết, thông thạo việc được Nguyễn Du mạnh bạo tạo ra từ mới: *người soi*. Nói đến cái ghen, trong đời sống thường nhật, “Ghen tuông thì cũng người ta thường tình”, nhưng gọi tên cái con người ghen, cái tính ghen lạ đời và thâm hiểm như Hoạn Thư thì nhà thơ dùng một kết hợp rất lạ: “nhà ghen” (*Bây giờ mới rõ tâm hơi. Máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen!*). Đây đúng như Trần Đình Sử đã nhận xét: Nguyễn Du đã phát hiện được các quy luật ẩn kín của tiếng Việt để giải cấu trúc ngôn từ thực dụng và tái cấu trúc những biểu đạt mới, “đập vỡ” cấu trúc ngôn ngữ hàng ngày để tạo thành ngôn ngữ nghệ thuật

Ở Truyện Kiều, nhà thơ lại định danh được hàng loạt các nhân vật của mình bằng một số ngôn từ có tính chất “đán nhãn”, thì đó quả thật là kì tài. Chúng ta biết rằng, các nhân vật trong truyện Kiều là một hệ thống với đủ hạng, đủ lớp người như là một xã hội thu nhỏ. Thế mà Nguyễn Du chỉ bằng một vài từ ngữ đã tóm gọn cái thần thái, chỉ mặt đặt tên bản tính của từng người. Với Mã Giám Sinh, qua cách dùng các đại từ “gã”, “đứa” (*Chẳng ngờ gã Mã Giám sinh/ Vẫn là một đứa phong tình đã quen*) hay dùng động từ “tót” miêu tả thái độ (*Ghé trên ngai tót sở sàng*), Nguyễn Du đã lột tả cái bản tính con buôn của nhân vật này chuyên “kiếm ăn miền nguyệt hoa”, chung lưng với mụ Tú bà, đây quả là “*Mặt của mướp đắng, đôi bên một phường*”. Về Sở

Khanh, với cách xuất hiện “lên” (*Đẩy song đã thấy Sở Khanh lên vào*) thì đây đúng là hành vi gian xảo, kẻ mà Nguyễn Du đã chỉ thẳng vào “mặt mo” của hắn (*Mặt mo đã thấy ở đâu dẫn vào*)... Đó là các nhân vật phản diện, còn với các nhân vật mà Nguyễn Du yêu thương, trân trọng, như: Thuý Kiều, Kim Trọng, Từ Hải, nhà thơ dùng những mỹ từ trong và đẹp như ngọc để viết về họ. Với Kiều: *Làn thu thủy, nét xuân sơn/ Thông minh vốn sẵn tính trời*...). Với Kim Trọng: *Nền phú hậu, bậc tài danh/ Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa*... Với Từ Hải: *Đường đường một đấng anh hào. Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài*... Quả là “Mỗi người mỗi vẻ, mười phân vẹn mười”. Đó là chưa nói đến hệ thống từ ngữ tả cảnh, tả tình trong hàng nghìn câu thơ khác của Truyện Kiều, được ví như là “thiên thu tuyệt diệu từ”. Xuân Diệu nhận xét: “Vào đến thế giới của các từ, của từng từ một, nó là từng viên gạch một, nó là mỗi tế bào của tác phẩm thơ, càng thấy Nguyễn Du là một ông thầy của ngôn ngữ, là một phù thủy của ngôn từ” (2; tr.44).

Sự định danh mang tính “dán nhãn” như vậy trong truyện Kiều đã làm cho các nhân vật của Kiều sống động, đi vào dân gian như những thành ngữ so sánh. Ngay cô Kiều cũng đã có nhiều thành ngữ: *đẹp như Kiều, tài như Kiều, yêu như Kiều, tình như Kiều, khổ như Kiều*... Rồi các nhân vật khác: *hào hoa như Kim Trọng, anh hùng như Từ Hải, mưu mô như Hồ Tôn Hiến, ghen như Hoạn Thư, lừa lọc như Sở Khanh, bạc nhược như Thúc Sinh*... Chúng đã trở thành những câu cửa miệng của người đời khi cần nói về từng cảnh ngộ. Điều đó nói lên tài năng của cụ trong việc khắc họa, cá biệt hóa nhân vật. Và như vậy, Truyện Kiều không chỉ chiếm lĩnh ở vị trí đỉnh cao về nghệ thuật sử dụng tiếng Việt mà còn có vai trò hiếm có trong việc đóng góp vào kho tàng từ vựng tiếng Việt một **hệ thống từ ngữ mới** (bao gồm các từ, thành ngữ, quán ngữ; các hình ảnh biểu trưng mang mà sắc tu từ) làm phong phú thêm cách diễn đạt của tiếng Việt.

Quả vậy, sức sống mãnh liệt của Truyện Kiều, sự ảnh hưởng to lớn của Kiều còn chính là ở điểm này: nó không chỉ thành “*Tiếng thương như tiếng mẹ ru*” (Tổ Hữu) mà còn **đi vào lời ăn tiếng nói** hàng ngày của mọi người dân. Quả thật, có rất nhiều câu thơ trong Kiều lại được vận dụng trong rất nhiều hoàn cảnh giao tiếp cụ thể. Về tình yêu, người ta có thể lấy Kiều để nói hộ, bày tỏ rất hợp tình hợp cảnh. Chẳng hạn, hai người mới gặp nhau, có thể mượn câu Kiều để nói hộ: *Người đâu gặp gỡ làm chi/ Trăm năm biết có duyên gì hay không*. Khi tình cảm nồng nàn: *Lạ cho cái sóng khuynh thành/ Làm cho đổ quán xiêu đình như chơi*. Bàn tính chuyện hôn nhân: *Trăm năm tính cuộc vuông tròn/ Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông*. Cẩn dặn người mình yêu: *Gìn vàng giữ ngọc cho hay/ Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời*... Về thể thái nhân tình, có rất nhiều câu Kiều có thể vận dụng đắc ý. Chẳng hạn, triết lý về cuộc đời: *Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau/ Bỉ sắc tư phong/ Chữ tài liền với chữ tai một vần, Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*... Về đồng tiền: *Trong tay đã sẵn đồng tiền/ Dầu rằng đổi trắng thay đen khó gì*. Về sự khen chê: *Khen cho con mắt tinh đời/ Được lời như cởi tấm lòng/ Một đời được mấy anh hùng/ Những phường giá áo túi cơm sá gì*... Và nhiều sự khác: *Phép công là trọng niềm tây sá gì/ Ngày vui ngắn chẳng tày gang/ Hoa tàn mà lại thêm tươi*...

Chúng ta biết rằng, trong nói năng hàng ngày, người ta thường hay “mượn lời”: mượn thành ngữ, tục ngữ, ca dao, châm ngôn, điển tích xen vào trong câu nói để cho câu nói có thêm sức nặng, diễn tả hộ được suy nghĩ và thêm phần ý vị. Đó là lẽ thường. Sự mượn lời đó phải là loại ngôn từ đã thành “kinh điển”. Và như ta đã thấy, truyện Kiều cũng đã được nhân dân “mượn”, thành hiện tượng “mượn Kiều” rất phổ biến, độc đáo. Truyện Kiều, nói đúng ra là trong ngôn ngữ Truyện Kiều, nhiều câu có thể tách khỏi văn bản, dùng trong các hoàn cảnh khác, mang một đời sống thứ hai độc lập. Vì sao có hiện tượng độc đáo này? Chúng tôi cho rằng, sở dĩ

truyện Kiều có một sức sống trường tồn như vậy, có ảnh hưởng và đóng góp vào kho tàng tiếng Việt như vậy, trước hết, trong tổng số 3.254 câu Kiều, có thể nói phần lớn các câu đều hay, hay trong việc tả cảnh, tả tình, tả người. Nhiều câu thơ đã đạt đến một độ rất sâu về *tính khái quát, triết lí*. Đó là kết tinh của sự trải nghiệm, suy ngẫm của Nguyễn Du về cuộc đời, một cuộc đời tuy có lúc “xiêm áo vàng son” nhưng cũng không thiếu phần gió bụi, lại gần gũi với người dân “ăn lộc bà con làng cây”... nên những câu thơ của cụ trở thành gan ruột, dễ dàng đi vào quần chúng. Thứ nữa, nhiều câu Kiều không chỉ phù hợp trong mạch liên kết chung của văn bản Truyện Kiều, chúng còn vươn ra ngoài khuôn khổ văn bản đó, để vận dụng trong các ngữ cảnh khác, như một số trường hợp đã dẫn ở trên, vì chúng đã nêu lên được cái “hằng thường” trong cuộc đời, thậm chí, nhiều câu có thể xếp vào bậc “kinh điển”. Giá trị của Kiều, ngôn ngữ của Kiều cũng đã tạo ra một *thang giá trị mới*, một *hệ quy chiếu mở* trong ứng xử, đánh giá và sinh hoạt xã hội (*Làm trai biết đánh tổ tôm/ Uống chè Chính Thái xem nôm Thúy Kiều*).

Đề tài, chủ đề: khẳng định tình yêu tự do, tôn vinh vẻ đẹp phụ nữ, khát vọng công lí

Truyện Kiều hấp dẫn, thu hút người đời bởi trước hết đây là một câu chuyện tình *đầy éo le và cảm động*, nói lên được *nỗi đau về thân phận* của con người trong xã hội cũ. Tình yêu của “giống hữu tình” là vấn đề muôn thuở của con người, vừa là hiện thực, vừa là khát vọng ở đời. Tình yêu luôn luôn có mặt trong mọi lĩnh vực của đời sống, nhưng trong sáng tác văn học có những thời kỳ (chẳng hạn như trong văn học trung đại) do nhiều lí do khác nhau, đề tài tình yêu nam nữ có khi bị cấm đoán hoặc hầu như ít được nói tới, có chăng cũng rất dè dặt, kín đáo. Với truyện Kiều, lần đầu tiên tình yêu được tuyên ngôn một cách tự do, phóng khoáng (*Vàng trắng vằng vặc giữa trời/ Đình ninh hai miệng một lời song song*). Đó là tình yêu của đôi trai tài gái sắc tự nguyện đến với nhau đầy lãng mạn, thơ mộng (*Cỏ non xanh tận chân trời/ Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*). Nhưng tình yêu của Kim – Kiều ngay từ đầu đã dự báo đầy những éo le, trắc trở như một định mệnh. Điều này đã tác động đến tâm lý của người đọc. Lòng thương cảm của người đời đối với cô Kiều – vốn là một nhân vật văn học – gần như đối với con người có thực. Nàng Kiều có tài, có sắc mà phải chịu bao tai oan, nghiệp chướng; câu chuyện mang màu sắc kì ảo như trong cổ tích (Tám Cám, Thạch Sanh...) hay chuyện thơ Nôm (Tống Trân Cúc Hoa, Phạm Tải Ngọc Hoa...) mà người dân thường hay kể. Dù trong Truyện Kiều, Nguyễn Du mượn cốt truyện ở Trung Quốc nhưng ông đã Việt hóa đến độ sâu sắc, đã thổi vào trong đó tình cảm, tâm sự của riêng mình với một sự đồng điệu hóa thân hiếm có. Người ta cảm giác nhân vật Kiều – với bao nỗi niềm tâm sự xót xa, chông chênh đắng cay, lưu lạc bơ vơ trong thời nhiễu nhương tao loạn ấy – vừa như ở “trên đời sống”, vừa như ở “trong đời sống” thường nhật của chúng ta.

Điều hấp dẫn, thu hút của Truyện Kiều ở mọi thời chưa hẳn là những lý thuyết mà cụ Nguyễn đã phát biểu một cách hiển ngôn, như: *Tài mệnh tương đố, bí sắc tư phong, hồng nhan bạc mệnh, chữ tài gắn với chữ tai...* (Ta có cảm giác có lẽ cụ trông thấy nhiều điều “đau đớn lòng” hàng ngày mà bất lực, đành kêu trời hay đổ cho số mệnh). Điều hấp dẫn của Truyện Kiều là ở mỗi tình “vượt rào” táo bạo, đầy lãng mạn nhưng cũng đầy trắc trở, éo le của Thúy Kiều – Kim Trọng, là *nỗi đau thân phận con người* (kiếp người mong manh, không có công lí bảo vệ) trong xã hội cũ. “Đời Kiều là một tấm gương oan khổ, một câu chuyện thâm trầm về vận mệnh của con người trong xã hội cũ” (Hoài Thanh). Phải chăng đây là một trong những lí do mà người đời sau tìm đến Kiều, theo dõi đồng cảm, chia sẻ với Kiều trên mỗi bước đường trong mười lăm năm lưu lạc của nàng. Bởi thế nên “dù xã hội có dựng lên những hàng rào tôn ti, giai cấp, quyền lợi, thành kiến thì mọi thứ chia cắt kia chẳng có cách nào ngăn chặn được nỗi khát khao của một

kiếp người là nhìn thấy hạnh phúc, đau khổ, vui buồn, mong nhớ của mình chấp đôi cánh thi ca” (Phan Ngọc).

Kết cấu thời gian: Gặp gỡ - chia li – Đoàn tụ

"Truyện Kiều là thi phẩm duy nhất mà người ta có thể đọc ngược từ cuối lên đến đầu" để câu chuyện về nàng Kiều (đúng như nội dung trong tác phẩm của Nguyễn Du) diễn ra theo chiều của thời gian ngược lại như ta được xem một cuốn phim “tua” ngược chiều.

Nhà nghiên cứu Phạm Đan Quế đã làm một việc khá kỳ công là gỡ ra và sắp xếp lại toàn bộ các câu thơ trong truyện mà “Tập Kiều” với cả 3.254 câu Kiều để có cuốn Truyện Kiều đọc ngược và Truyện Kiều như được đọc ngược từ cuối lên đến đầu sao cho câu thơ lục bát của Nguyễn Du vẫn hợp vần mà người đọc vẫn thấy thú vị.

Nhân vật

Về nhân vật, qua nhân vật Thúy Kiều là chính Nguyễn Du đã sáng tạo ra con người tâm lý, không còn là nhân vật nghĩa lý. Nói như Phan Ngọc là đã kết thúc kiểu con người nguyên phiến của văn học cổ để hình thành con người tâm trạng. Theo Trần Đình Sử, nhân vật Truyện Kiều có 5 đặc điểm: bao giờ cũng mang một phức hợp tâm lý phức tạp; mang tình cảm đối nghịch; tâm lý có một giới hạn rộng rãi nhất, từ cao cả đến mức tầm thường nhất; con người bị tha hóa; trải nghiệm nhiều cung bậc nhân sinh nhất. Chính vì vậy mà người ta cảm thấy Kiều không phải là kẻ nêu gương, mà là người cùng số phận gần gũi.

Bút pháp nghệ thuật

Xét về quy luật nghệ thuật thì Truyện Kiều giàu có hơn các thành phần ngôn ngữ nghệ thuật. Nếu trong các tập thơ, bao gồm cả khúc ngâm, chỉ có ngôn từ trữ tình, thì trong Truyện Kiều có người kể chuyện với ngôn ngữ người kể chuyện, lời văn tả cảnh, tả tình, lời bình luận cảm xúc, ngôn ngữ đối thoại của nhân vật, ngôn ngữ độc thoại nội tâm, gồm lời nửa trực tiếp, lời trực tiếp tự do, lời gián tiếp. Không có một truyện Nôm nào giàu có hơn về các thành phần như vậy. Về nghệ thuật tự sự thì Nguyễn Du đã biết sử dụng thành thạo và đạt nghệ thuật cao mô hình tự sự ngôi thứ ba hạn tri với điểm nhìn của nhân vật, biến tác phẩm thành một tiểu thuyết tâm lý hiện đại, tạo cửa sổ cho người đọc nhìn trực tiếp vào thế giới nội tâm của nhân vật. Đó là nghệ thuật tự sự hiện đại nhất mà truyện Nôm Việt Nam có được từ đầu thế kỷ XIX. Mặc dù thời đó Việt Nam chưa có văn xuôi nghệ thuật, nhưng nghệ thuật kể chuyện bằng thơ đã đạt đến tính hiện đại.

Bên cạnh đó các bút pháp nổi bật như tả cảnh ngụ tình, độc thoại nội tâm được sử dụng một cách điêu luyện xuyên suốt cả thi phẩm.

Tóm lại

Truyện Kiều có sức sống lâu bền trong lòng dân tộc và đã thoát vượt ra khỏi biên giới, vươn tầm quốc tế, đạt đến tầm văn hoá nhân loại (đến nay đã có trên 60 bản dịch ra hơn 20 thứ tiếng)... Điều đó cho thấy, Nguyễn Du “hơn người” ở chỗ từ một câu chuyện tình đầy éo le và cảm động, nhà thơ đã nói lên được nỗi đau về thân phận của con người trong xã hội có áp bức bất công; ông đã tạo ra một *thang giá trị mới*, một *hệ quy chiếu mở* về nhân tình thế thái xã hội mà trước nay chưa từng thấy. Với việc định danh các hiện tượng nhân thế, khắc họa chân dung các nhân vật, dùng hệ thống từ ngữ tả cảnh, tả tình tinh tế và sâu sắc, nhà thơ đưa tiếng Việt

một mặt, đi vào mọi tầng lớp độc giả, được *dân gian hoá* cao độ như lời ăn tiếng nói hàng ngày, mặt khác nó lập thành *một tầm đỉnh* ngôn ngữ và văn hoá khó vượt.

Trong các tác phẩm văn học từ cổ chí kim ở nước ta, Truyện Kiều là một mốc son chói lọi, một đỉnh cao vời vợi. Nó in bóng xuống các thời đại tiếp theo, tạo thành một mạch sống thẳm sâu, có sức lan tỏa rộng, có tầm ảnh hưởng lớn trong đời sống tâm hồn của người Việt Nam. Sự ảnh hưởng của nó cũng thật đậm nét trong các hoạt động khác, tạo ra một ***hệ văn hóa truyện Kiều***: sáng tác văn chương của nhiều thời kì đã “mượn” Kiều, ngôn ngữ hàng ngày cũng có nhiều câu lấy từ truyện Kiều, các sinh hoạt dân gian, các sưu tầm, nghiên cứu của rất nhiều công trình cũng xuất phát từ Truyện Kiều... Hiếm có một tác phẩm nào trong văn học nước ta tạo nên “hiệu ứng” mạnh mẽ và sâu sắc như sáng tác của Nguyễn Du.